

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐẶNG VINH

**ĐẨY MẠNH THU HÚT
VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển
Mã số : 62.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, 2018

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Thị Như Liêm
GS. TS. Lê Thế Giới**

Phản biện 1: GS.TSKH. Lê Du Phong

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Văn Phát

Phản biện 3: TS. Nguyễn Phú Thái

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp
Đại học Đà Nẵng vào ngày 30 tháng 03 năm 2018

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Trung tâm thông tin học liệu – Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Trong điều kiện nước ta nền kinh tế có điểm xuất phát thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao và chưa vững chắc, để thực hiện mục tiêu KT- XH đề ra, thì ngoài việc phải huy động nguồn vốn trong nước, coi nguồn vốn trong nước có vai trò quyết định, cần phải tranh thủ tối đa lợi thế của các nguồn vốn thế giới, coi các nguồn lực nước ngoài là quan trọng. Trong các nguồn lực bên ngoài thì FDI là một bộ phận không thể thiếu được. Trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, tùy theo tình hình KT-XH và điều kiện phát triển của mỗi nước mà FDI chiếm một vị trí quan trọng tương ứng. Đối với nước ta nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng, FDI là một bộ phận không thể thiếu được trong tổng vốn đầu tư phát triển KT-XH. Nó là điều kiện quan trọng để khai thác và phát triển các nguồn lực trong nước. Tuy nhiên, những năm gần đây, môi trường đầu tư ở nước ta nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng trở nên kém hấp dẫn, tổng nguồn vốn đăng ký đầu tư vào thành phố tính đến năm 2016 còn rất khiêm tốn so với cơ hội, tiềm năng của thành phố, với khoảng 3,2 tỷ USD, vốn thực hiện khoảng trên 27,7% và đứng thứ 20 so với cả nước. Với ý nghĩa đó, tác giả đã chọn: **“Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng”** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Mục tiêu tổng quát: Vận dụng cơ sở lý luận về thu hút nguồn vốn FDI để phân tích thực trạng thu hút nguồn vốn FDI của TPĐN trong thời gian qua, xác định những kết quả tích cực, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất phương hướng, giải pháp tăng cường thu hút nguồn vốn FDI, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững kinh tế - xã hội của TP ĐN.

Các mục tiêu cụ thể là: i) Hệ thống hóa lý thuyết về vốn FDI và thu hút vốn FDI; ii) Phân tích, đánh giá vai trò của FDI đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt là các nước chậm phát triển, đang phát triển trong quá trình CNH-HĐH. iii) Xây dựng tiêu chí đánh giá và khảo sát một số doanh nghiệp FDI trên địa bàn; iv) Khảo sát kinh nghiệm về lĩnh vực này ở một số nước trong khu vực, một số địa phương; v) Trên cơ sở xem xét, phân tích thực trạng đề xuất một số giải pháp chủ yếu cũng như một số điều kiện cần thiết nhằm tăng cường thu hút vốn tại thành phố Đà Nẵng trong 10 năm tới.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án là nghiên cứu về đẩy mạnh thu hút FDI vào địa phương, những vấn đề về cơ chế, chính sách, quá trình hoàn thiện cơ chế, chính sách, lý luận và thực tiễn trong thu hút vốn FDI tác động đến kết quả thu hút FDI của thành phố Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nghiên cứu tập trung về đẩy mạnh thu hút vốn FDI trên cả hai góc độ là tăng cường về qui mô và hiệu quả sử dụng vốn, nghiên cứu về cơ chế, chính sách thu hút của địa phương và quá trình thực hiện cơ chế, chính sách và những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến thu hút vốn FDI như hạ tầng, nhân lực, môi trường đầu tư...

- Phạm vi không gian nghiên cứu: trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

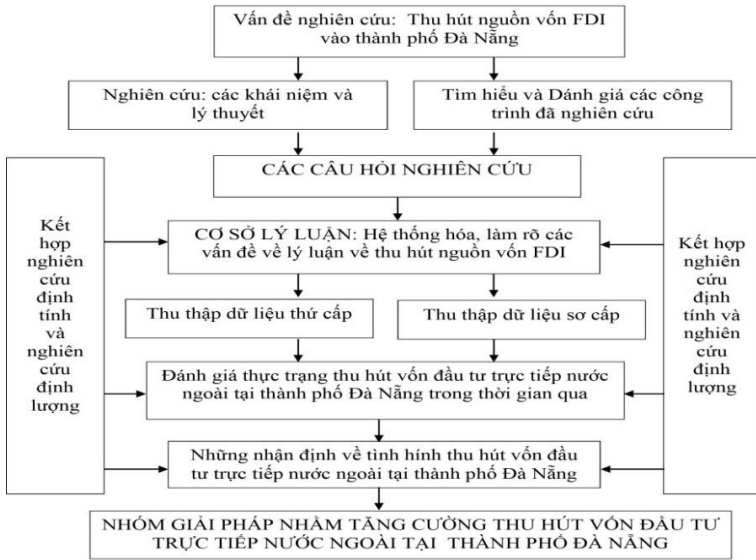
- Phạm vi thời gian nghiên cứu chủ yếu vào giai đoạn 2010-2016 và giải pháp định hướng đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu

Đề tài được tiến hành theo các bước chặt chẽ của phương

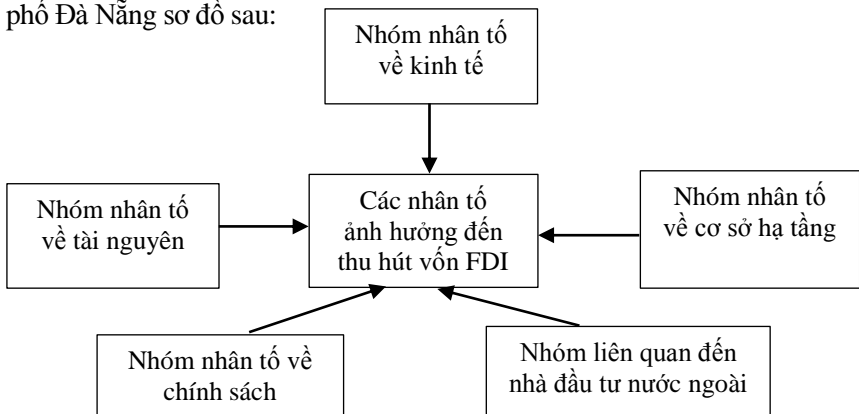
pháp nghiên cứu khoa học được trình bày như sơ đồ 1.1.



(Nguồn: đề xuất của tác giả)

Sơ đồ 1.1. Các nội dung nghiên cứu của đề tài

+ Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư ở thành phố Đà Nẵng sơ đồ sau:



Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

4.2. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Luận án được thực hiện tổng hợp nhiều phương pháp, kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Xây dựng ma trận SWOT.

4.3. Dữ liệu sử dụng nghiên cứu đề tài

Dữ liệu thứ cấp; dữ liệu sơ cấp

5. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

- Luận án đã tổng hợp hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, luận án đã xây dựng khung nghiên cứu và nêu bật được nội dung chính của các chính sách thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và từ đó đề xuất các chính sách thu hút phù hợp hơn.

- Luận án đã đi sâu phân tích, đánh giá những thuận lợi; khó khăn của doanh nghiệp FDI và các đề xuất của doanh nghiệp đối với các cơ quan liên quan thông qua việc khảo sát doanh nghiệp. Dựa trên cơ sở thực tế tại địa phương.

- Luận án đã đưa ra các tiêu chí đánh giá về thu hút nguồn vốn FDI thông qua 4 nhóm chỉ tiêu cơ bản.

- Luận án cũng đã tổng hợp được những bài học kinh nghiệm rút ra từ các nước trên thế giới và các địa phương về thu hút nguồn vốn FDI làm tăng thêm cho những nhận định và đề xuất các nhóm giải pháp thu hút FDI.

- Luận án nghiên cứu về tình trạng gây ô nhiễm môi trường, gian lận thuế, chuyên giá trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhất là các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia ...

- Kết quả nghiên cứu cũng góp phần khẳng định tăng cường thu hút FDI tại thành phố Đà Nẵng cần gắn quy mô với chất lượng và hiệu quả sử dụng.

Kết quả nghiên cứu cũng góp phần khẳng định việc tăng cường thu hút vốn FDI tại thành phố Đà Nẵng cần gắn quy mô với chất lượng và hiệu quả sử dụng, chứ không thu hút bằng mọi giá. Dựa trên cơ sở thực tế tại địa phương, luận án cũng đưa ra các giải pháp để tăng cường thu hút vốn FDI vào địa bàn thành phố, đó là: (1) Tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật tạo sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài; (2) Thúc đẩy hoạt động xúc tiến; (3) Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; (5) Phát triển công nghiệp hỗ trợ; (6) Cải cách thủ tục hành chính; (7) Đầu tư phát triển nguồn nhân lực; (8) Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra thực hiện các biện pháp chống chuyển giá; (9) Thực hiện giải pháp để hạn chế tác động ô nhiễm môi trường.

6. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án có kết cấu gồm 4 chương.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI

Đầu tư nước ngoài có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nên được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại quốc tế, dòng lưu chuyển vốn FDI cũng không ngừng tăng lên, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn cầu. Để xây dựng luận án, tác giả đã tham khảo trên 100 công trình, đề tài nghiên cứu, những bài báo khoa học trong nước và nước ngoài được công bố trong đó có nhiều tài liệu quan trọng được sử dụng tham khảo, kế thừa và hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài.

1.2. HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO CỦA ĐỀ TÀI

Chưa có công trình nào nghiên cứu về nội dung đẩy mạnh thu hút vốn FDI vào thành phố Đà Nẵng một cách đầy đủ, toàn diện.

Đề tài nghiên cứu chủ yếu thời kỳ mà Việt Nam đã gia nhập vào WTO, FTA thế hệ mới, hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, hơn nữa trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đã vượt mức nước kém phát triển, trở thành nước thu nhập trung bình, đang hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới; yêu cầu phát triển “bền vững”; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4...

Những định hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới tại thành phố Đà Nẵng cần khai thác nguồn một cách có chọn lọc, thu hút trọng tâm, trọng điểm và đặc biệt chú ý chất lượng nguồn vốn. Việc thu hút nguồn vốn thúc đẩy quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Nghiên cứu nhằm ngăn ngừa và hạn chế về tình trạng gian lận trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhất là các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia như: tình trạng gây ô nhiễm môi trường; trốn thuế; gian lận thương mại; lợi dụng đầu tư để bán hàng...

Nghiên cứu tập trung đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút vốn FDI và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp FDI đã thu hút đang hoạt động tồn tại và phát triển.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC HÌNH THỨC FDI

2.1.1. Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài

FDI là hình thức đầu tư mà nhà ĐTNN đầu tư toàn bộ hay phần vốn đầu tư đủ lớn nhằm giành quyền kiểm soát hoặc tham gia kiểm soát doanh nghiệp ở nước chủ nhà.

2.1.2. Một số đặc điểm của FDI

Vốn FDI là một trong những hình thức di chuyển vốn trên thị trường tài chính quốc tế từ nước này sang nước khác với mục đích tìm kiếm lợi nhuận cho nhà đầu tư

2.1.3. Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài; Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Business Co-operation Contract); Doanh nghiệp liên doanh; BOT (Building Operate Transfer); BTO (Building Transfer Operate); BT (Building Transfer) ; PPP (Public - Private Partnership).

2.2. TÁC ĐỘNG CỦA VỐN FDI ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

2.2.1. Tác động tích cực: Thúc đẩy chuyển giao, phát triển công nghệ nhất là ở những nước đang phát triển; tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực cho địa phương; góp phần hội nhập và tăng cường quan hệ đối ngoại; góp phần tác động lan tỏa đến các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế; nâng cao năng lực cạnh tranh trong nền kinh tế.

2.2.2. Tác động tiêu cực: Hiện tượng “chuyển giá” khá phổ biến trong đầu tư trực tiếp nước ngoài; mất cân đối trong đầu tư; tiêu cực về lao động, tài chính cho nước nhận đầu tư; du nhập những công nghệ lạc hậu trên thế giới; mất đi nhiều việc làm truyền thống và

chưa coi trọng đúng mức về đào tạo cho người lao động; gây ô nhiễm môi trường; xuất hiện nguy cơ rửa tiền.

2.3. THU HÚT VỐN FDI VÀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THU HÚT FDI

2.3.1. Khái niệm về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Việc áp dụng các biện pháp, chính sách để các nhà đầu tư nước ngoài đem vốn đến đầu tư trực tiếp bằng các hình thức khác nhau phù hợp với lợi ích chung của cả nhà đầu tư và địa phương tiếp nhận.

2.3.2. Các chính sách liên quan đến thu hút vốn FDI

Nhóm chính sách liên quan đến tài chính; Chính sách về đất đai; Chính sách về lao động; Chính sách hỗ trợ về đầu tư; Chính sách xúc tiến thu hút vốn đầu tư.

2.3.3. Tiêu chí đánh giá hiệu quả của FDI

Tốc độ tăng vốn đầu tư; tỷ lệ vốn đầu tư FDI thực tế; hệ số ICOR; tốc độ tăng trưởng VA của khu vực FDI; tỷ lệ VA/GO; chỉ tiêu đóng góp của các doanh nghiệp FDI với phát triển nền kinh tế; số lao động làm việc khu vực FDI; tỷ lệ lao động ở các DN FDI; thu nhập bình quân lao động trong các DN FDI; đời sống lao động trong các DN FDI; mức độ bù đắp vào vốn bị thiếu cho đầu tư phát triển và cải thiện cán cân thanh toán; đóng góp của vốn FDI vào sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế.

2.4. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT FDI

Nhóm nhân tố về kinh tế; nhân tố thị trường; nhân tố lợi nhuận; nhân tố về chi phí; Nhóm nhân tố về tài nguyên; nguồn nhân lực; tài nguyên thiên nhiên; vị trí địa lý; Nhóm nhân tố về cơ sở hạ tầng; cơ sở hạ tầng kỹ thuật; cơ sở hạ tầng xã hội; Nhóm động cơ về cơ chế chính sách; nhân tố liên quan đến các nhà đầu tư nước ngoài; môi trường kinh tế thế giới; hướng dịch chuyển của dòng vốn FDI

quốc tế; chiến lược đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài; tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài.

2.5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

2.5.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

2.5.1.1. Kinh nghiệm của Singapore

Chính phủ Singapore đã tạo nên một môi trường kinh doanh ổn định, hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài khi công khai khẳng định, không quốc hữu hoá các doanh nghiệp nước ngoài, chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng, phục vụ cho hoạt động sản xuất. Thủ tục cấp giấy phép đơn giản, thuận tiện, có những dự án xin cấp giấy phép rồi đi vào sản xuất chỉ trong vòng vài tháng, có những dự án chỉ trong vòng 49 ngày đã có thể đi vào sản xuất. Đặc biệt, Singapore đã xây dựng được hệ thống pháp luật hoàn thiện, nghiêm minh, công bằng và hiệu quả. Bên cạnh đó, Chính phủ Singapore đã ban hành những chính sách khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài bằng cách áp dụng chính sách ưu đãi rất đặc biệt.

2.5.1.2. Kinh nghiệm của Thái Lan

Để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, chính phủ Thái Lan đã có những chính sách nhằm giảm thiểu chi phí đầu vào như nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu, cước viễn thông quốc tế, giá thuê đất chi phí lưu thông hàng hoá, nới lỏng chính sách thuế thu nhập của người nước ngoài. Chính phủ rất chú ý phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ...

2.5.2. Kinh nghiệm của các tỉnh, thành trong nước

2.5.2.1. Kinh nghiệm từ Thành phố Hồ Chí Minh

Lựa chọn nhà đầu tư: Đổi mới cách thức xúc tiến đầu tư: Xây dựng cơ sở hạ tầng: Kết hợp chặt chẽ trong việc quy hoạch: Xây dựng mối quan hệ: Phát triển tổ chức, cơ quan nhà nước.

2.5.2.2. Kinh nghiệm từ tỉnh Bình Dương

Kết hợp nhuần nhuyễn giữa các lợi thế: Phát triển cơ sở hạ tầng, đổi mới cải cách hành chính; quan tâm tới người lao động.

2.5.2.3. Kinh nghiệm của tỉnh Hưng Yên

Công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá về môi trường đầu tư luôn được đổi mới và chú trọng nhằm thu hút những dự án lớn, có hàm lượng công nghệ tiên tiến, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, sản xuất công nghiệp phụ trợ, sử dụng thế mạnh về nguyên liệu của địa phương từ đó góp phần phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, thích ứng và hội nhập với nền kinh tế quốc tế.

2.5.3. Những bài học rút ra cho thành phố Đà Nẵng

Coi trọng quy hoạch và xúc tiến đầu tư; thủ tục hành chính cần đơn giản, gọn nhẹ, tăng cường các dịch vụ hỗ trợ để thu hút nguồn vốn FDI; đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao tại địa phương; Cần kiến nghị với Nhà nước về hoàn thiện khung pháp lý phù hợp với pháp luật Việt Nam nhưng vẫn đảm bảo thông thoáng hơn.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. TỔNG QUAN VỀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1.1. Điều kiện tự nhiên: Vị trí địa lý; đặc điểm địa hình; khí hậu; tài nguyên thiên nhiên; tài nguyên đất; tài nguyên rừng; tài nguyên khoáng sản; nguồn nước; tài nguyên biển và ven biển; danh lam thắng cảnh; dân số; giáo dục và đào tạo.

3.1.2. Nền kinh tế thành phố Đà Nẵng trong những năm gần đây

Thành phố đang phấn đấu trở thành một trong những địa

phương đi đầu trong công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá của đất nước, trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020.

3.1.3. Cơ sở hạ tầng của thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng là một trong những thành phố lớn của cả nước, do vậy kết cấu hạ tầng đô thị được Chính quyền địa phương chú trọng đầu tư, cải thiện và nâng cấp. Các mạng lưới giao thông vận tải, hệ thống điện, nước, hệ thống thông tin truyền thông trên địa bàn thành phố... là những kết cấu chính đã, đang và sẽ được hoàn thiện, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng, ngày càng trở nên hiện đại và quy mô hơn.

3.2. THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG THỜI GIAN QUA

3.2.1. Chính sách thu hút chung của thành phố trong thời gian qua

Chính quyền thành phố đã và đang nỗ lực thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng cơ sở hạ tầng cùng với việc nghiên cứu và ban hành nhiều chính sách ưu đãi đầu tư nhằm đẩy mạnh hoạt động thu hút vốn FDI.

3.2.2. Chính sách thu hút các dự án đặc thù, khu công nghệ cao

Mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật; Giá thuê đất; Ưu đãi về thuế; Thủ tục giao đất, cho thuê đất; Chính sách hỗ trợ đầu tư. Cung cấp dịch vụ hành chính “một cửa”; Hỗ trợ thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú. Hỗ trợ nguồn nhân lực công nghệ cao; Hỗ trợ vay vốn.

3.3. TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN FDI TRONG THỜI GIAN QUA

3.3.1. Tình hình thu hút FDI tại Việt Nam thời gian qua

3.3.1.1. Nguồn vốn FDI thu hút tại Việt Nam từ 2006 -

2016

3.3.1.2. Đối tác thu hút và sử dụng nguồn vốn của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2016

3.3.1.3. Tình hình thu hút nguồn vốn tại các địa phương của Việt Nam còn hiệu lực đến tháng 12/2016

3.3.2. Tình hình thu hút vốn FDI tại thành phố Đà Nẵng

3.3.2.1. Số dự án phân theo quốc gia và vùng lãnh thổ

Tính từ năm 1987 đến nay, thành phố Đà Nẵng đã thu hút vốn FDI từ 34 quốc gia trên thế giới trong đó chủ yếu đến từ các nước châu Á. Nhật Bản là nước chiếm tới 27,65%, chiếm 17,67% vốn; Hàn Quốc chiếm 14,8% số dự án đầu tư vào thành phố Đà Nẵng, Hàn Quốc là nước chiếm tỷ trọng số dự án chiếm tỷ trọng 7,3 % tổng số vốn đầu tư. Đặc biệt, khu vực nói tiếng Hoa như Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông chiếm 4,04% tỷ lệ nguồn vốn đầu tư đây cũng là tỷ lệ còn khiêm tốn với tiềm năng hiện có. Các nước đến từ châu Âu như Anh, Pháp, Hà Lan chiếm 36 dự và tỷ lệ 0,75% vốn đăng ký. Việc các nước châu Âu chiếm tỷ trọng thấp trong thu hút vốn FDI là bất lợi cho thành phố Đà Nẵng vì chưa tận dụng được công nghệ tiên tiến, giảm khả năng tiếp thu công nghệ hiện đại, cũng như trình độ quản lý từ các nước phương Tây, đây là đối tác quan trọng bậc nhất của nước ta hiện nay.

3.3.2.2. Phân theo lĩnh vực đầu tư

Các dự án đầu tư nước ngoài vào thành phố Đà Nẵng tập trung chủ yếu vào công nghệ chế biến, chế tạo, công nghệ thông tin đây cũng là những lĩnh vực mà thành phố đang khuyến khích đầu tư. Ngoài ra lĩnh vực bất động sản, dịch vụ ăn uống, lưu trú... cũng được các nhà đầu tư quan tâm.

3.3.2.3. Phân theo địa điểm đầu tư

Các dự án đầu tư nước ngoài vào thành phố Đà Nẵng tập

trung ở các KCN khoảng trên 166 dự án và ngoài khu công nghiệp khoảng 286 dự án. Số lượng các dự án đầu tư bên ngoài KCN tuy lớn hơn nhưng có số vốn đăng ký thấp, quy mô vốn nhỏ.

3.3.2.4. Số doanh nghiệp hiện đang hoạt động tại thành phố Đà Nẵng theo qui mô

Nhìn chung số doanh nghiệp có vốn dưới 10 tỷ đồng chiếm tỷ lệ lớn khoảng 53,54% trong tổng số doanh nghiệp đăng ký đầu tư và trong đó doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 0.9%. Doanh nghiệp có số vốn từ 50 tỷ đồng đến 200 tỷ chiếm khoảng 3,5% trong tổng số doanh nghiệp và chỉ chiếm 0,23% trên tổng số các doanh nghiệp trong toàn thành phố. Đặc biệt doanh nghiệp có số vốn từ 200 tỷ đến 500 tỷ chỉ chiếm khoảng 5.6% trong tổng số các doanh nghiệp và doanh nghiệp FDI chỉ chiếm 0,23 % trong tổng số các doanh nghiệp trên toàn thành phố. Các doanh nghiệp có vốn trên 500 tỷ chiếm tỷ lệ rất thấp. Điều này cho thấy trong những năm qua tình hình thu hút nguồn vốn FDI của thành phố Đà Nẵng gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là số các dự án có qui mô lớn.

3.3.2.5. Vốn thực hiện của các doanh nghiệp FDI thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua

So với nguồn vốn chung của cả nước thì nguồn vốn FDI đăng ký và vốn thực hiện của thành phố Đà Nẵng chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Do vậy việc kêu gọi đầu tư còn nhiều hạn chế, việc giải ngân của các chủ đầu tư còn rất thấp, hiệu quả thực tế chưa cao, chưa đáp ứng được tiềm năng của thành phố, hơn nữa các dự án đầu tư vào thành phố trong những năm gần đây chủ yếu là các dự án trong lĩnh vực tư vấn, thương mại nên vốn thực hiện không cao.

3.3.2.6. Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư FDI

Nhìn chung khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng

mạnh trong năm 2011, sau đó giảm sâu vào những năm 2012 và 2013, điều này do khủng hoảng tài chính toàn cầu, khiến dòng vốn FDI trên thế giới sụt giảm, mặt khác lợi thế về giá nhân công rẻ không còn là lợi thế của Việt Nam vì các nước trên thế giới không coi trọng tiềm năng này, ngoài ra hiện tượng lạm phát cũng ảnh hưởng rất lớn đến nguồn vốn FDI đầu tư. Tuy nhiên năm 2014 -2016 nguồn vốn FDI đã có dấu hiệu tăng trở lại, đây là dấu hiệu phục hồi nền kinh tế, khủng hoảng kinh tế đã có dấu hiệu hạ nhiệt, trong khi đó khu vực vốn nhà nước đã giảm sâu và chưa có dấu hiệu phục hồi.

3.3.2.7. Tài sản cố định của các doanh nghiệp FDI trong thời gian qua

Tỷ lệ góp vốn vào tài sản cố định của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài rất thấp so với cơ cấu nguồn vốn chung của thành phố.

3.3.2.8. Tốc độ tăng VA của khu vực FDI

Nhìn chung tốc độ tăng trưởng VA trong khu vực FDI tăng rất thấp so với GO, điều này cho thấy thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài còn rất nhiều khó khăn, các sản phẩm công nghệ cao còn nhiều hạn chế, các doanh nghiệp còn chủ yếu thực hiện theo hợp đồng gia công và phát triển theo chiều rộng, chi phí trung gian còn lớn, cải thiện môi trường đầu tư.

3.3.2.9. Tình hình giải quyết việc làm của các doanh nghiệp FDI tại thành phố Đà Nẵng

Số lao động trong khu vực FDI chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn trong tổng số lao động chung của thành phố.

3.3.2.10. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI trong thời gian qua

Mặc dù đã có những đóng góp vào ngân sách thành phố Đà

Năng, nhưng tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI có xu hướng giảm xuống là tín hiệu không tốt cho kinh tế của thành phố.

Đối với khu vực FDI, tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên vốn đầu tư thực tế thấp hơn so với đầu tư khu vực khác.

3.3.3. Đánh giá thực trạng ô nhiễm môi trường của các Khu công nghiệp thành phố Đà Nẵng

Mức độ ô nhiễm của các sông, nơi xả thải của các khu công nghiệp rất lớn, hàm lượng cặn lơ lửng (SS) cao gấp từ 15-50 lần, thậm chí có thời điểm cả trăm lần. Ngoài ra, hàm lượng BOD5 trong nước thải tại các khu công nghiệp cũng vượt mức cho phép rất nhiều lần.

3.3.4. Đánh giá khả năng tăng qui mô về sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp

Trong khi 65,8% doanh nghiệp Nhật Bản muốn giữ nguyên quy mô vốn hiện có thì các doanh nghiệp Hàn Quốc lại có kế hoạch tăng vốn đầu tư (71,4%) và tương tự đối với các doanh nghiệp Mỹ (50%) và Trung Quốc (55%).

3.4. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG THU HÚT VỐN FDI THÀNH PHỐ TRONG THỜI GIAN QUA

3.4.1. Về công tác xúc tiến đầu tư

Mặc dù có nhiều cải tiến trong xúc tiến đầu tư thể hiện ở nội dung, hình thức thực hiện nhưng hiệu quả công tác này chưa cao, cơ chế chính sách ưu đãi chưa thật sự cạnh tranh.

3.4.2. Thủ tục hành chính, thực thi các chính sách pháp lý

3.4.3. Chính sách công nghệ

Công nghệ tiên tiến nhập vào chưa nhiều, chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết cả về số lượng, lẫn qui mô, chưa cân đối giữa các ngành kinh tế, nhất là ở một số ngành then chốt có tác dụng tạo môi trường công nghệ cho công nghiệp như cơ khí, năng lượng, hoá chất,

giao thông...

3.4.4. Cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh

Hệ thống hạ tầng giao thông và chất lượng dịch vụ Internet, thông tin liên lạc là những khó khăn chính đang làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh. Chi phí vận tải cao, tuyến đường vận chuyển ít và thời gian vận chuyển dài hơn.

3.4.5. Đánh giá tình hình gian lận thông qua trốn thuế và chuyển giá của các doanh nghiệp FDI tại thành phố Đà Nẵng

Theo thống kê, cả nước có khoảng 50% doanh nghiệp FDI kê khai lỗ, trong đó nhiều doanh nghiệp thua lỗ liên tục trong 3 năm liên tiếp. Kết luận thanh tra nêu trên cho thấy nhiều doanh nghiệp mặc dù kê khai lỗ lớn trong nhiều năm nhưng hằng năm, tốc độ tăng doanh thu vẫn cao, hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục được mở rộng. Có thể khẳng định, vấn đề chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng đang ngày càng phổ biến và cuộc đấu tranh chống chuyển giá ngày càng khó khăn, phức tạp đòi hỏi các cơ quan chức năng, nhất là ngành thuế đề ra các biện pháp hữu hiệu hơn trong kiểm soát chuyển giá.

3.4.6. Đánh giá về công nghiệp phụ trợ

Công nghiệp phụ trợ trong nước nói chung và Đà Nẵng nói riêng có năng lực sản xuất kém, năng lực tài chính hạn hẹp, hoạt động manh mún, rời rạc; chủng loại sản phẩm còn nghèo, phần lớn có giá trị gia tăng thấp, chưa đáp ứng nhu cầu các doanh nghiệp FDI, đối với những sản phẩm cần chất lượng kỹ thuật cao hầu hết doanh nghiệp FDI đều phải nhập khẩu từ nước xuất xứ (Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc) hoặc nước thứ ba (Đài Loan, Thái Lan...).

3.4.7. Thị trường tiêu thụ sản phẩm

Theo khảo sát phần lớn doanh nghiệp xuất khẩu về nước xuất

xứ của chủ đầu tư (65,3%) và bán nội địa cho các cá nhân hoặc doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (36,7%). Việc thanh kiểm tra quá nhiều lần trong một năm và các qui định của nhà nước còn quá nhiều thủ tục còn quá rườm rà, phức tạp; phí và lệ phí quá cao... đã làm nản lòng các nhà đầu tư.

3.5. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.5.1. Đánh giá chỉ số quản trị hành chính công của thành phố Đà Nẵng so với các địa phương lân cận

Về tạo môi trường đầu tư trong nỗ lực định vị địa phương, chính quyền các địa phương đều có quan tâm đến cải thiện hầu hết các môi trường thành phần, đặc biệt là môi trường cơ sở hạ tầng, môi trường thể chế, hành chính, thị trường các yếu tố đầu vào...

3.5.2. Chi phí gia nhập thị trường

Qua kết quả khảo sát nhìn chung thủ tục hành chính rườm rà và phức tạp, mất thời gian và kinh phí cho doanh nghiệp, thêm vào cán bộ có trình độ chuyên môn kém làm nản lòng các nhà đầu tư.

3.5.3. Mạng lưới thông tin

Có thể nhận định tính sẵn có của thông tin của thành phố Đà Nẵng là khá tốt, tạo điều kiện cho doanh nghiệp FDI tại địa phương hoạt động kinh doanh theo pháp luật, có khả năng tiếp cận, khai thác các cơ hội đầu tư hiệu quả. Tuy nhiên việc cung cấp thông tin đến cộng đồng doanh nghiệp còn nhiều hạn chế.

3.5.4. Phương thức giải quyết tranh chấp lao động

Các DN FDI được khảo sát cho biết phương thức giải quyết tối ưu là: Cố gắng giải quyết nội bộ, tránh ồn ào (72,1% khảo sát 2015); tiếp theo là báo cáo tình hình và nhờ chính quyền địa phương hòa giải (25,9% khảo sát 2015)

3.5.5. Thái độ, cách ứng xử của chính quyền thành phố đối với DN FDI

Có trên 80% doanh nghiệp được hỏi cho rằng đối thoại với cơ quan nhà nước là cần thiết. Trong đó, các doanh nghiệp cho rằng nên có những cuộc đối thoại hàng quý với lãnh đạo cấp thành phố và lãnh đạo các ngành: thuế, hải quan, công thương, xây dựng, kế hoạch và đầu tư, tài nguyên và môi trường...

3.6. NHỮNG THÀNH CÔNG, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.6.1. Thành công

Từ năm 1987 đến nay khu vực doanh nghiệp (DN) có vốn ĐTNN ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng, góp phần tích cực trong tăng trưởng kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán, tạo việc làm trực tiếp cho người lao động và hàng triệu việc làm gián tiếp khác, là yếu tố thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ, nâng cao phương thức quản lý kinh doanh, tạo động lực cạnh tranh mạnh mẽ hơn trong từng ngành...

Trong những năm qua, Đà Nẵng đẩy mạnh thực hiện nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ thu hút các DN đầu tư.

3.6.2. Hạn chế

Các chính sách chỉ tập trung vào một số dự án đặc thù, các dự án trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Chính sách xúc tiến đầu tư còn đơn điệu, manh mún, cục bộ, chưa tương xứng với tiềm năng, chưa thật sự là cầu nối giữa địa phương và doanh nghiệp. Về giao đất, cho thuê đất còn nhiều hạn chế; Công tác thu hút đầu tư chậm do thiếu quỹ đất “sạch”; Các doanh nghiệp khó tiếp cận các nguồn vốn vay; Các chính sách về ưu đãi thuế, ưu đãi về đầu tư chưa tuân thủ nghiêm các nguyên tắc, các cam kết mà Việt Nam đã cam kết với các

tổ chức quốc tế; Xây dựng các chính sách còn dàn trải phức tạp, thiếu tập trung, đồng thời chưa thể hiện được tính đồng bộ, nhất quán của các chính sách ưu đãi đối với các địa bàn có cùng điều kiện về phát triển kinh tế xã hội... gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp; thiếu hụt nguồn nhân lực qua đào tạo là rào cản đối với đầu tư FDI tại Đà Nẵng. Về cơ sở hạ tầng là chi phí vận chuyển còn cao, cung cấp nguyên vật liệu tại chỗ còn khó khăn, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ. Nạn trốn thuế, chuyển giá, ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp FDI cũng là thách thức lớn của thành phố.

3.6.3. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế

Do thị trường nhỏ, sức mua thị trường thấp và đồng thời nguồn thu nhập của người lao động khu vực miền Trung rất thấp; Sự bất ổn của các thị trường bất động sản, chứng khoán... làm giảm khả năng thu hút các nguồn lực cho doanh nghiệp, Các chính sách còn chưa thật sự đồng bộ, văn bản ban hành chậm, chưa thật cụ thể; Hoạt động xúc tiến thu hút vốn FDI còn kém hiệu quả; Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở các khu công nghiệp còn nhiều hạn chế; Tiềm lực tài chính của một số nhà đầu tư còn hạn chế. một số nhà đầu tư nước ngoài bị hạn chế năng lực tài chính nên không triển khai được các dự án, hoặc triển khai chậm, thậm chí không triển khai được dự án.

CHƯƠNG 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

4.1. CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

4.1.1. Bối cảnh kinh tế thế giới

Theo World Bank, tốc độ tăng trưởng kinh tế tại các nước phát triển đạt 1,6% trong năm 2015 và sau đó tăng lên mức 2,1% trong năm 2016 và 2017 (GDP tính theo giá cố định năm 2010). Các nước Đông Nam Á có xu hướng tăng vào năm 2016, nhưng mức tăng không đáng kể.

4.1.2. Xu hướng dòng vốn FDI trên toàn cầu

Theo UNCTAD, hiện 3/4 vốn FDI trên thế giới là đầu tư giữa các nước có nền kinh tế phát triển với nhau nhằm tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu những rủi ro về chính trị, kinh tế như khi thực hiện đầu tư tại các thị trường đang phát triển. Mặt khác, sự liên kết giữa các công ty đa quốc gia của Mỹ, Nhật, khu vực Châu Âu có sự liên kết chặt chẽ với nhau về vốn, kỹ thuật, công nghệ.

4.2. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỪ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

4.2.1. Căn cứ xây dựng mục tiêu và định hướng thu hút vốn FDI

4.2.2. Các mục tiêu, quan điểm chủ yếu về thu hút vốn FDI thành phố Đà Nẵng

4.2.2.1. Quan điểm phát triển kinh tế xã hội thành phố

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị động lực, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển vùng, hướng mô hình tập trung đa cực, không gian mở rộng; liên kết hợp tác chặt chẽ với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước; phát triển kinh tế biển và hội nhập kinh tế quốc tế.

4.2.2.2. Mục tiêu

Đến năm 2020, tỷ trọng GDP của thành phố chiếm khoảng 2,8% GDP cả nước; kim ngạch xuất khẩu thời kỳ 2011 - 2020 tăng

bình quân 19 - 20%/năm; GDP bình quân đầu người đạt 4.500 - 5.000 USD; duy trì tỷ trọng thu ngân sách so với GDP đạt từ 35 - 36%; tốc độ đổi mới công nghệ bình quân hàng năm đạt 25%.

4.2.3. Định hướng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Đà Nẵng

4.2.3.1. Định hướng về ngành trọng điểm

Về công nghiệp: Sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao; coi trọng thu hút các dự án phát triển công nghiệp phụ trợ và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu. Các dự án đặc biệt ưu tiên kêu gọi FDI vào lĩnh vực công nghiệp là công nghệ thông tin, điện tử, hoá dược.

Về dịch vụ: Đầu tư phát triển du lịch với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, tạo nền tảng để phát triển mạnh các ngành dịch vụ. Nghiên cứu từng bước xây dựng Đà Nẵng thành đô thị du lịch ven biển chất lượng cao.

Ngoài ra, Đà Nẵng cần ưu tiên kêu gọi, thu hút các dự án FDI để phát triển các dịch vụ cảng biển, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, tư vấn, chuyển giao công nghệ. Các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ là: trường quốc tế, bệnh viện quốc tế, khu nghỉ mát 5 sao, vận tải hành khách công cộng; xây dựng Cảng biển Liên Chiểu theo hình thức BOT, BTO hoặc BT.

4.2.3.2. Định hướng về thu hút các nhà đầu tư tiềm năng

Nhật Bản, Hoa Kỳ và các quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc khu vực Đông Bắc Á gồm Hàn Quốc; Đài Loan, Hồng Kông (Trung Quốc) sẽ là những nhà đầu tư được ưu tiên trong thu hút FDI vào Đà Nẵng thời gian tới. Ngoài ra, các nước thuộc khối ASEAN, EU cũng sẽ được chú trọng.

4.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

4.3.1. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước

Mở rộng thị trường; ổn định thị trường chứng khoán; hoàn chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch; Tăng cường xây dựng chính sách khuyến khích Đầu tư; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng CNTT; Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư; liên kết kinh doanh; công nghệ và cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh; Các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, thực hiện các biện pháp chống chuyển giá, gian lận thuế

4.3.2. Nhóm các giải pháp về môi trường

Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; Tăng cường và chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm môi trường; Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và huy động nguồn lực bảo vệ, hoàn thiện cơ cấu tổ chức hệ thống quản lý môi trường; Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào xử lý ô nhiễm môi trường.

4.3.3. Những giải pháp đối với các tổ chức trong nước

Đổi mới cơ chế, tổ chức bộ máy Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất; Nâng cao năng lực quản lý và uy tín thương hiệu của các doanh nghiệp trong nước để phát triển liên doanh với nước ngoài; Phát triển các dịch vụ phát triển kinh doanh và các ngành sản xuất phụ trợ cho các ngành công nghiệp, dịch vụ.

4.4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.4.1. Kết luận

Thời gian qua, nhờ nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng có những thay đổi tích cực, đó đã có một phần đóng

góp từ vốn FDI. Với đặc điểm và tình hình thực tế thu hút vốn FDI tại thành phố Đà Nẵng, việc đẩy mạnh thu hút vốn này là hết sức cần thiết và quan trọng, là cơ sở nhằm thúc đẩy kinh tế của thành phố. Luận án đã thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Luận án đã luận giải các hình thức đầu tư của nước ngoài vào địa phương và mỗi hình thức đều có ưu điểm và nhược điểm riêng. Việc địa phương lựa chọn hình thức nào còn phụ thuộc vào lợi thế, mục tiêu và định hướng phát triển của thành phố.

+ Đánh giá và phân tích tác động của chính sách thu hút của địa phương, thực trạng thu hút vốn FDI trong thời gian qua.

+ Đúc kết kinh nghiệm thu hút vốn FDI của các nước châu Á và các tỉnh, thành phố của Việt Nam đã thành công trong thu hút vốn FDI, đã rút ra những bài học kinh nghiệm cho thành phố Đà Nẵng.

+ Phân tích thực trạng thu hút vốn FDI và hiệu quả của vốn FDI tại thành phố Đà Nẵng. Những thành công là cơ bản, đã góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm, thúc đẩy xuất khẩu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Luận án cũng đã chỉ ra những hạn chế nổi bật trong thu hút vốn FDI như: lượng vốn đăng ký và thực hiện còn thấp, còn có sự mất cân đối trong thu hút, chưa khai thác được lợi thế sẵn có và chưa chủ động trong thu hút. Những hạn chế xuất phát nhiều nguyên nhân đã làm giảm tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

+ Dựa trên xu hướng phát triển của kinh tế thế giới, những thuận lợi và khó khăn trong thu hút vốn FDI vào Việt Nam kết hợp với quan điểm, định hướng, nhu cầu và những điểm mạnh, điểm yếu trong thu hút vốn FDI vào thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới, luận án đã đưa ra 8 giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn FDI vào thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

4.4.2. Kiến nghị

Đề nghị Chính phủ chỉ đạo tập trung xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và đặc biệt là thành phố Đà Nẵng; ưu tiên bố trí các nguồn vốn và sớm triển khai đầu tư các công trình trọng điểm; Cho phép thành phố được hưởng cơ chế tài chính ưu đãi; thông qua chính sách vĩ mô, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư; chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và bổ sung các qui định của pháp luật về thuế, ngân sách bảo đảm thống nhất, đồng bộ.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần có Thông tư hướng dẫn chi tiết các qui định của Nghị định, nhất là các qui định cụ thể liên quan đến các dự án có công trình xây dựng, việc lập báo cáo năng lực tài chính của chủ đầu tư, việc thực hiện hồ sơ đăng ký kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài lần đầu thực hiện dự án tại Việt Nam.

+ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI

[1] Đặng Vinh (2012), “Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại thành phố Đà Nẵng trong tình hình mới”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng* số 12, tr.55-60.

[2] Đặng Vinh (2013), “Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng với việc đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp FDI tại thành phố Đà Nẵng”, *Kỷ yếu Ngữ học toàn quốc 2013*, số ISBN:978-604-9800-41-2, tr.419-425.

[3] Đặng Vinh (2014), “Tăng cường chống gian lận thuế tại các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại thành phố Đà Nẵng”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng* số 9, tr.102-107.

[4]Ths. Đặng Vinh (2017) “ Giải pháp tăng cường hạn chế ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp FDI thuộc khu vực thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung Việt Nam”, Hội thảo quốc tế “ Quản lý môi trường và phát triển bền vững ”.ISBN 978-604-955-253-3